

Số: 34/2014/TT-BCT

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ

**Quy định về công tác phối hợp giữa cơ quan Quản lý thị trường
các cấp trong hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 10/CP ngày 23 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ về tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Quản lý thị trường và Nghị định số 27/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/CP ngày 23 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ về tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Quản lý thị trường;

Căn cứ Quyết định số 65/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về trách nhiệm và công tác phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về công tác phối hợp giữa cơ quan Quản lý thị trường các cấp trong hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nguyên tắc, phương thức, thẩm quyền, thủ tục yêu cầu phối hợp và các nội dung phối hợp cụ thể giữa cơ quan Quản lý thị trường các cấp trong hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Quản lý thị trường các cấp gồm Cục Quản lý thị trường thuộc Bộ Công Thương (sau đây gọi tắt là Cục Quản lý thị trường) và Chi cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Chi cục Quản lý thị trường).

2. Công chức Quản lý thị trường làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp.

3. Tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác phối hợp giữa cơ quan Quản lý thị trường các cấp trong hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp trong hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính

1. Thực hiện việc phối hợp trong hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính là trách nhiệm và nghĩa vụ của cơ quan Quản lý thị trường các cấp.

2. Việc phối hợp phải theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan Quản lý thị trường được giao; tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính và quy định của Thông tư này.

3. Bảo đảm việc phối hợp được tiến hành thuận lợi, nhanh chóng, có hiệu quả, không chồng chéo; phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan Quản lý thị trường chủ trì chịu trách nhiệm chính đối với việc phối hợp kiểm tra hoặc xử lý vi phạm hành chính; cơ quan Quản lý thị trường được yêu cầu phối hợp có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan chủ trì; những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính phải được trao đổi, thống nhất để kịp thời giải quyết trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan và theo quy định của pháp luật.

5. Các nội dung liên quan đến việc phối hợp kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Thông tư này phải được bảo mật theo quy định của pháp luật và của Thông tư này.

Chương II NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC, THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC YÊU CẦU PHỐI HỢP

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Thu thập thông tin, trinh sát, theo dõi phát hiện đối tượng vi phạm và trao đổi, cung cấp thông tin về vụ việc vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm hành chính.

2. Thực hiện các quyết định kiểm tra của cơ quan Quản lý thị trường.

3. Áp dụng biện pháp ngăn chặn và đảm bảo việc xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của Cục Quản lý thị trường.

4. Thẩm tra xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và các tình tiết khác để xem xét việc xử lý vi phạm hành chính.

5. Xử lý vi phạm hành chính và ban hành các quyết định xử lý, xử phạt vi phạm hành chính.

6. Thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định xử lý hành chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phương thức phối hợp

1. Cử công chức tham gia việc phối hợp.

2. Bố trí phương tiện, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị khác phục vụ việc phối hợp.
3. Bố trí kinh phí hoặc tạm ứng kinh phí phục vụ việc phối hợp.
4. Trao đổi, thống nhất về nội dung, phương thức phối hợp.
5. Thực hiện các yêu cầu phối hợp cụ thể khác.

Điều 6. Thẩm quyền yêu cầu phối hợp

1. Thẩm quyền yêu cầu phối hợp trong hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính của cơ quan Quản lý thị trường các cấp:

a) Cục trưởng Cục Quản lý thị trường hoặc Phó Cục trưởng Cục Quản lý thị trường được Cục trưởng giao quyền ban hành quyết định kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

b) Trưởng phòng Phòng Chống buôn lậu, Trưởng phòng Phòng Chống hàng giả, Trưởng phòng Phòng Kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường hoặc Phó Trưởng phòng của các phòng nói trên được Trưởng phòng giao quyền ban hành quyết định kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường hoặc Phó Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường được Chi cục trưởng giao quyền ban hành quyết định kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ yêu cầu của hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này quyết định nội dung, phương thức phối hợp cụ thể theo quy định của Thông tư này; chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường cấp trên trực tiếp và trước pháp luật về yêu cầu phối hợp do mình quyết định.

Điều 7. Thủ tục yêu cầu phối hợp

1. Yêu cầu phối hợp trong hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính của cơ quan Quản lý thị trường các cấp phải bằng văn bản của người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này.

2. Văn bản yêu cầu phối hợp phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên cơ quan được yêu cầu phối hợp;
- b) Nội dung yêu cầu phối hợp;
- c) Phương thức phối hợp;
- d) Thời gian thực hiện yêu cầu phối hợp;
- đ) Các yêu cầu khác có liên quan đến nội dung phối hợp;
- e) Họ tên, chức danh, chữ ký của người có thẩm quyền yêu cầu phối hợp.

3. Trường hợp việc phối hợp cần phải bảo mật thông tin thì văn bản yêu cầu phối hợp phải đóng dấu “mật” khi phát hành và ghi rõ dấu “mật” trên bì văn bản.

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, việc gửi, nhận, xử lý văn bản yêu cầu phối hợp thực hiện như sau:

a) Văn bản yêu cầu phối hợp phải được gửi cho cơ quan được yêu cầu phối hợp trước thời điểm phối hợp ít nhất 07 ngày làm việc;

b) Khi nhận được văn bản yêu cầu phối hợp, thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường được yêu cầu phối hợp có trách nhiệm xử lý ngay nội dung yêu cầu phối hợp và tổ chức triển khai thực hiện các yêu cầu phối hợp của cơ quan Quản lý thị trường đã có văn bản yêu cầu phối hợp;

c) Trường hợp có căn cứ cho rằng yêu cầu phối hợp không đúng với quy định của pháp luật hoặc sự kiện bất khả kháng thì thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường được yêu cầu phối hợp có quyền từ chối thực hiện yêu cầu phối hợp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc từ chối đó. Việc từ chối phải được thông báo ngay bằng điện thoại cho thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường yêu cầu phối hợp và bằng văn bản nêu rõ căn cứ, lý do để từ chối trong thời hạn trước ít nhất 02 ngày tính đến thời điểm phối hợp.

5. Trường hợp phối hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 10 và Điều 11 của Thông tư này, việc gửi, nhận, xử lý văn bản yêu cầu phối hợp thực hiện như sau:

a) Văn bản yêu cầu phối hợp phải được người có thẩm quyền yêu cầu phối hợp thông báo qua điện thoại cho Thủ trưởng cơ quan được yêu cầu phối hợp và gửi trực tiếp trong thời gian ngắn nhất ngay sau khi ban hành đến cơ quan được yêu cầu phối hợp;

b) Khi nhận được văn bản yêu cầu phối hợp, thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường được yêu cầu phối hợp có trách nhiệm xử lý ngay nội dung yêu cầu phối hợp và tổ chức triển khai thực hiện các yêu cầu phối hợp của cơ quan Quản lý thị trường đã có văn bản yêu cầu phối hợp;

c) Trường hợp có căn cứ cho rằng yêu cầu phối hợp không đúng với quy định của pháp luật hoặc sự kiện bất khả kháng thì thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường được yêu cầu phối hợp có quyền từ chối thực hiện yêu cầu phối hợp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc từ chối đó. Việc từ chối phải được thông báo ngay bằng điện thoại cho thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường yêu cầu phối hợp và bằng văn bản nêu rõ căn cứ, lý do để từ chối trong thời hạn chậm nhất 02 ngày kể từ thời điểm từ chối phối hợp.

Điều 8. Thông báo kết quả phối hợp

Khi kết thúc việc phối hợp kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính, cơ quan Quản lý thị trường chủ trì phối hợp phải thông báo bằng văn bản kết quả phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính cho cơ quan Quản lý thị trường được yêu cầu phối hợp.

Chương III NỘI DUNG PHỐI HỢP CỤ THỂ

Điều 9. Phối hợp thu thập thông tin, trinh sát, theo dõi phát hiện đối tượng vi phạm và trao đổi, cung cấp thông tin về vụ việc vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm hành chính.

1. Theo yêu cầu cụ thể và căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quản lý thị trường đã được pháp luật quy định, cơ quan Quản lý thị trường các cấp phối hợp thực hiện việc thu thập thông tin, trinh sát, theo dõi phát hiện đối tượng vi

phạm và trao đổi, cung cấp thông tin về vụ việc vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm hành chính.

2. Việc phối hợp thu thập thông tin, trinh sát, theo dõi phát hiện đối tượng vi phạm và trao đổi, cung cấp thông tin về vụ việc vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm hành chính gồm các nội dung:

a) Tổ chức thu thập thông tin về tình hình thị trường, tình hình chấp hành pháp luật, tình hình vi phạm pháp luật, diễn biến, quy luật, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn quản lý.

b) Tổ chức trinh sát, theo dõi các tổ chức, đường dây, ổ nhóm, các tuyến, địa bàn trọng điểm liên quan đến sản xuất, vận chuyển, kinh doanh hàng hóa nhập lậu, hàng giả và các hành vi gian lận thương mại khác để phát hiện đối tượng có hành vi vi phạm hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Trao đổi, cung cấp thông tin về vụ việc vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm hành chính trên địa bàn địa phương quản lý hoặc xảy ra ở địa bàn khác có liên quan để tiến hành kiểm tra, xử lý hoặc chỉ đạo kiểm tra, xử lý.

Điều 10. Phối hợp thực hiện quyết định kiểm tra của cơ quan Quản lý thị trường

1. Căn cứ vào kế hoạch đã được phê duyệt hoặc yêu cầu kiểm tra đột xuất theo từng vụ việc cụ thể, cơ quan Quản lý thị trường các cấp tổ chức phối hợp thực hiện quyết định kiểm tra như sau:

a) Cục Quản lý thị trường ban hành quyết định kiểm tra và yêu cầu Chi cục Quản lý thị trường nơi tiến hành kiểm tra tham gia phối hợp thực hiện việc kiểm tra;

b) Chi cục Quản lý thị trường ban hành quyết định kiểm tra trên địa bàn và đề nghị Cục Quản lý thị trường tham gia phối hợp thực hiện việc kiểm tra;

c) Cơ quan Quản lý thị trường ban hành quyết định kiểm tra là cơ quan chủ trì vụ việc kiểm tra.

2. Việc phối hợp trong thực hiện quyết định kiểm tra của cơ quan Quản lý thị trường gồm các nội dung:

a) Thực hiện kế hoạch hoặc phương án kiểm tra của cơ quan Quản lý thị trường chủ trì đối với đối tượng được kiểm tra;

b) Tổ chức lực lượng, bố trí phương tiện phối hợp, hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện quyết định kiểm tra của cơ quan Quản lý thị trường chủ trì;

c) Chỉ đạo người có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn, bảo đảm xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật khi cần thiết;

d) Lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với vụ việc kiểm tra.

3. Trong quá trình thực hiện quyết định kiểm tra của Cục Quản lý thị trường, nếu cần phải ban hành quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và đảm bảo việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, việc phối hợp được thực hiện như sau:

a) Căn cứ vào tình tiết vụ việc đang tiến hành kiểm tra, những người có thẩm quyền yêu cầu phối hợp của Cục Quản lý thị trường có quyền yêu cầu ngay Chi cục Quản lý thị trường phối hợp chỉ đạo người có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện quyết định khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính, khám nơi cất giấu tang vật vi phạm hành chính (gọi tắt là khám) theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ vào kết quả khám, người ban hành quyết định khám thực hiện việc lập biên bản khám và chuyển giao ngay hồ sơ vụ việc khám cho Cục Quản lý thị trường tiếp tục thực hiện việc xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Căn cứ vào kết quả khám và kết quả kiểm tra, người có thẩm quyền của Cục Quản lý thị trường ban hành quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy tờ theo thủ tục hành chính khi cần thiết và tổ chức thực hiện việc tạm giữ theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp cần tổ chức kiểm tra ngay theo quy định của pháp luật, việc phối hợp được thực hiện như sau:

a) Căn cứ vào tình tiết vụ việc cần kiểm tra ngay, người có thẩm quyền yêu cầu phối hợp của cơ quan Quản lý thị trường đã ban hành quyết định kiểm tra có quyền yêu cầu ngay cơ quan Quản lý thị trường phối hợp theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này;

b) Căn cứ vào yêu cầu phối hợp, cơ quan Quản lý thị trường phối hợp phải chỉ đạo, tổ chức thực hiện ngay việc phối hợp theo quy định.

Điều 11. Phối hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn và đảm bảo việc xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của Cục Quản lý thị trường

1. Căn cứ vào thông tin đã được thẩm tra, xác minh hoặc trong trường hợp cần phải ban hành ngay quyết định khám theo quy định của pháp luật, những người có thẩm quyền yêu cầu phối hợp của Cục Quản lý thị trường có quyền yêu cầu ngay Chi cục Quản lý thị trường phối hợp chỉ đạo người có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện quyết định khám theo quy định của pháp luật.

2. Việc phối hợp trong thực hiện quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và đảm bảo việc xử lý vi phạm hành chính gồm các nội dung:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án khám của cơ quan chủ trì;

b) Hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ khi thực hiện quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và đảm bảo việc xử lý vi phạm hành chính;

c) Tổ chức lực lượng, bố trí phương tiện phối hợp để thực hiện quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính.

3. Chi cục Quản lý thị trường là cơ quan chủ trì, Cục Quản lý thị trường là đơn vị phối hợp trong thực hiện quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và đảm bảo việc xử lý vi phạm hành chính.

Điều 12. Phối hợp thẩm tra xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và các tình tiết khác để xem xét việc xử lý vi phạm hành chính

1. Căn cứ vào tình tiết của vụ việc đang tiến hành kiểm tra hoặc xử lý thông tin theo quy định, cơ quan Quản lý thị trường các cấp phối hợp trong việc thẩm tra, xác minh vụ việc vi phạm hành chính.

2. Việc phối hợp trong việc thẩm tra, xác minh vụ việc gồm các nội dung:

a) Thẩm tra, xác minh và xử lý thông tin về hành vi vi phạm pháp luật hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật làm căn cứ ban hành quyết định kiểm tra hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

b) Thẩm tra, xác minh, thu thập, bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh vi phạm pháp luật làm căn cứ để xử lý, xử lý vi phạm hành chính.

3. Cơ quan Quản lý thị trường đang tiến hành kiểm tra là cơ quan chủ trì gửi yêu cầu phối hợp đến cơ quan Quản lý thị trường có liên quan để yêu cầu tham gia phối hợp trong việc thẩm tra, xác minh vụ việc.

4. Trường hợp cơ quan Quản lý thị trường địa phương cần phối hợp với Cục Quản lý thị trường để tiến hành thẩm tra, xác minh vụ việc kiểm tra, xử lý liên quan đến nhiều địa bàn hoặc liên tuyến, liên vùng, việc phối hợp được thực hiện như sau:

a) Căn cứ đề nghị của cơ quan Quản lý thị trường đang kiểm tra, xử lý vụ việc, Cục Quản lý thị trường chủ trì gửi yêu cầu phối hợp đến các cơ quan Quản lý thị trường có liên quan để tham gia phối hợp;

b) Cơ quan Quản lý thị trường được yêu cầu phối hợp thực hiện nội dung yêu cầu phối hợp theo quy định;

c) Kết quả phối hợp trong việc thẩm tra, xác minh vụ việc được báo cáo bằng văn bản với Cục Quản lý thị trường để chỉ đạo việc kiểm tra, xử lý và thông báo cho cơ quan Quản lý thị trường địa phương có yêu cầu phối hợp biết.

Điều 13. Phối hợp xử lý vi phạm hành chính và ban hành các quyết định xử lý, xử phạt vi phạm hành chính

1. Cơ quan Quản lý thị trường chủ trì quy định tại Điều 9 và Điều 10 Thông tư này chịu trách nhiệm xử lý vi phạm hành chính và ban hành các quyết định liên quan đến xử lý vụ việc vi phạm hành chính.

2. Trường hợp vụ việc được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư này vượt quá thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thì thực hiện việc chuyển giao hồ sơ vụ việc cho Cục Quản lý thị trường thụ lý việc xử lý vi phạm hành chính và ban hành các quyết định liên quan đến xử lý vụ việc vi phạm hành chính.

3. Trong quá trình xử lý vụ việc, cơ quan Quản lý thị trường chịu trách nhiệm xử lý vi phạm hành chính và ban hành các quyết định liên quan đến xử lý vụ việc vi phạm hành chính chủ động trao đổi thông tin, thống nhất các biện pháp xử lý với cơ quan Quản lý thị trường phối hợp theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Nếu có ý kiến khác nhau về chủ trương xử lý, hình thức xử lý thì thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường.

Điều 14. Phối hợp thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định xử lý hành chính khác theo quy định của pháp luật

1. Căn cứ nội dung quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định xử lý hành chính khác và theo quy định của pháp luật, cơ quan Quản lý thị trường các cấp tổ chức sự phối hợp để thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định xử lý hành chính khác của cơ quan Quản lý thị trường.

2. Việc phối hợp thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định xử lý hành chính khác của cơ quan Quản lý thị trường gồm các nội dung:

a) Thực hiện việc gửi, giao nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định xử lý hành chính khác để tổ chức thi hành theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

b) Cử cán bộ phối hợp đôn đốc, theo dõi, giám sát việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định xử lý hành chính khác;

c) Phối hợp thực hiện các thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc trả lại tang vật, phương tiện, giấy tờ tạm giữ theo thủ tục hành chính;

d) Phối hợp xem xét, giải quyết các khiếu nại hoặc khởi kiện liên quan đến việc kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính nếu có.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện công tác phối hợp trong hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính giữa cơ quan Quản lý thị trường các cấp được cấp từ nguồn ngân sách trong dự toán kinh phí kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính hàng năm của từng cơ quan Quản lý thị trường các cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2014.

2. Thông tư này thay thế Quyết định số 0471/1998/QĐ-BTM ngày 20 tháng 4 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa các Chi cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có trách nhiệm:

a) Phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này đối với các cơ quan và công chức thuộc lực lượng Quản lý thị trường;

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các Chi cục Quản lý thị trường trong việc tổ chức thực hiện Thông tư này;

c) Định kỳ tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; báo cáo tình hình thực hiện Thông tư này theo quy định; đề xuất với Bộ trưởng Bộ Công Thương việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này khi cần thiết;

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc phối hợp trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính do Cục Quản lý thị trường chủ trì thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra đối với Chi cục Quản lý thị trường trong việc thực hiện Thông tư này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường có trách nhiệm:

a) Phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này đối với các đơn vị trực thuộc và công chức Chi cục Quản lý thị trường; theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra lực lượng Quản lý thị trường địa phương trong việc tổ chức thực hiện Thông tư này;

b) Tuỳ theo nội dung, yêu cầu công việc phối hợp, trong từng thời gian và điều kiện cụ thể của mỗi địa phương, các Chi cục có kế hoạch phối hợp công tác cụ thể, thường xuyên đánh giá, rút kinh nghiệm về việc phối hợp công tác;


c) Tổng hợp, báo cáo kết quả phối hợp và tình hình thực hiện Thông tư này cho Cục trưởng Cục Quản lý thị trường theo quy định;

d) Kịp thời phản ánh với Cục Quản lý thị trường, Bộ Công Thương các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Thông tư này và đề xuất nội dung cần sửa đổi, bổ sung khi cần thiết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Công báo;
- Website Chính phủ; website Bộ Công Thương;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các Vụ, Cục thuộc Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở Công Thương, Chi cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, PC, QLTT (05).

KT. BỘ TRƯỞNG
CÔNG THƯƠNG



Đỗ Thắng Hải